TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HS-PT
Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường
Ông Đặng Kim Nhân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2025/TLPT-HS ngày 13/10/2025 đối với bị cáo Trần Đình T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2025/HS-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2025/QĐXXPT-HS ngày 14/01/2026.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Đình T, sinh ngày 12/8/1984 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn T, xã S, tỉnh Quảng Ngãi); chỗ ở hiện nay: số E đường H, tổ H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường C, tỉnh Quảng Ngãi); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Trần Đình D và con bà Hồ Thị H; có vợ tên là Nguyễn Thị Đ (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2024 đến ngày 22/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Thanh N và Trần Đình T là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022 Đỗ Thanh N, Trần Đình T thông qua các mối quan hệ xã hội, N và T đã đưa ra nhiều thông tin gian dối như có khả năng nhận trợ giúp pháp lý, nhận hồ sơ thi viên chức, chuyển công tác và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của nhiều người. Sau khi nhận tiền từ các bị hại Đỗ Thanh N, Trần Đình T không thực hiện nội dung như đã thoả thuận và chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến mất khả năng trả nợ, cụ thể:

1. Các bị cáo Đỗ Thanh N, Trần Đình T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) của ông Đinh Thiên T1:

Ngày 11/6/2020 bà Nguyễn Thị N1 uỷ quyền cho ông Đinh Thiên T1 (ông T1 là cháu ruột bà N1) tham gia giải quyết vụ án dân sự tranh chấp đất do TAND thành phố Quảng Ngãi thụ lý vào ngày 10/3/2021.

Khoảng năm 2021, ông Đinh Tấn V (anh ruột của ông T1) thường xuyên đến quán nhậu "*Thiên Bút*" (địa chỉ: số E đường H, tổ H, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) do bị cáo Trần Đình T làm Chủ, nên ông V gặp và quen biết với bị cáo Trần Đình T. Từ đó, ông Đinh Tấn V nói chuyện với bị cáo T về vụ việc tranh chấp đất của bà N1 do TAND thành phố Quảng Ngãi đang thụ lý, bị cáo T tự nhận có khả năng nhờ người trợ giúp pháp lý đối với vụ việc tranh chấp đất của gia đình ông V.

Khoảng tháng 5/2022, ông V dẫn ông Đinh Thiên T1 đến quán nhậu "*Thiên Bút*" để gặp và trao đổi với bị cáo T về việc nhờ bị cáo T tìm người trợ giúp pháp lý đối với vụ án dân sự do bà N1 uỷ quyền cho ông T1. Tại đây, bị cáo T đồng ý đứng ra bảo lãnh làm thủ tục hồ sơ pháp lý giải quyết tranh chấp đất của gia đình ông T1. Bị cáo T đưa ra thông tin "*bên* T *có người làm được vụ việc tranh chấp đất đai như vụ tranh chấp của ông* T1*, khi nhận hồ sơ, xem hồ sơ thấy có đường, làm được việc thì mới nhận. Thuật có mối quan hệ quen biết trong Công an Tư Nghĩa, cán bộ Sở Giáo dục để* T *giới thiệu người làm giấy tờ pháp lý*".

Khoảng 10 ngày sau tại quán nhậu "*Thiên Bút*" bị cáo T giới thiệu ông Đỗ Thanh N, lúc này bị cáo T nói với bị cáo N và ông T1 "*giấy tờ thủ tục ông* T1 *trao đổi trực tiếp với bị cáo* N*, bị cáo* T *không trực tiếp làm giấy tờ. Bị cáo* T *chỉ bảo lãnh vấn đề tiền bạc giữa ông* T1 *và bị cáo* N*. Bị cáo* T *nhận trực tiếp tiền từ ông* T1 *và đưa cho* N *để lo việc*". Ông T1 đồng ý và đưa toàn bộ hồ sơ,

giấy tờ liên quan đến việc tranh chấp đất cho bị cáo T, bị cáo T đưa hồ sơ cho N.

Sau khi nhận hồ sơ của ông T1, bị cáo N trao đổi với bị cáo T chi phí để hoàn thành thủ tục tố tụng (giải quyết xong vụ án dân sự) số tiền khoảng từ 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) đến 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó, bị cáo Trần Đình T nói lại với ông Đinh Thiên T1 chi phí làm hồ sơ khoảng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) thì ông Đinh Thiên T1 đồng ý. Bị cáo Trần Đình T trao đổi với ông T1 nói mọi vấn đề tiền bạc, hồ sơ liên quan về pháp luật phải thông qua bị cáo T.

Vài ngày sau bị cáo Trần Đình T yêu cầu ông T1 tạm ứng trước số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 20/6/2022 tại quán nhậu "*Thiên Bút*" ông T1 sử dụng tài khoản Ngân hàng S (số cũ 1351001078154) mở tại Ngân hàng B chuyển vào tài khoản Ngân hàng số 107872945805 mở tại Ngân hàng V2 của bị cáo Trần Đình T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền của ông T1, bị cáo Trần Đình T chuyển khoản đến tài khoản của bị cáo Đỗ Thanh N số tiền 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng) và đưa tiền mặt cho bị cáo N số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Sau đó vài ngày, bị cáo N nói hỏi bị cáo T mượn tiền nên bị cáo T đưa tiền mặt cho bị cáo N mượn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), bị cáo T còn giữ lại số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) trong số tiền ông T1 chuyển.

Trong quá trình giải vụ việc, tháng 6/2022 Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi yêu cầu ông T1 giám định tình trạng sức khoẻ của bà Nguyễn Thị N1; đến tháng 3/2023 Toà án yêu cầu ông T1 làm lại Đơn phản tố. Sau khi Toà án yêu cầu, ông T1 có trao đổi với bị cáo N và bị cáo T nội dùng này tại quán nhậu "*Thiên Bút*" thì bị cáo N nói cần thuê Luật sư để tham gia vào vụ án, làm việc trực tiếp với Toà án. Bị cáo N trao đổi với bị cáo T cần phải đi Thành phố Hồ Chí Minh gặp Luật sư, chi phí khoảng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau đó, bị cáo Trần Đình T trao đổi lại với ông Đinh Thiên T1 là cần tạm ứng tiếp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) để bị cáo Đỗ Thanh N làm việc với Luật sư và lo chi phí cho Luật sư về Quảng Ngãi làm việc với Toà án.

Ngày 12/9/2022, tại quán nhậu "*Thiên Bút*", ông T1 đưa tiền mặt cho bị cáo Trần Đình T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và bị cáo T đưa lại cho bị cáo N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Cùng thời điểm này, bị cáo T nói ông T1 chuyển khoản cho bị cáo Đỗ Thanh N số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) để bị cáo N đi thuê Luật sư. Ngày 12/9/2022,

ông T1 sử dụng tài khoản số 1351078154 mở tại Ngân hàng B chuyển số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào tài khoản số 0271000499342 mở tại V3 của bị cáo Đỗ Thanh N. Ngày 15/9/2022, bị cáo Đinh Thiên T1 sử dụng tài khoản số 1351078154 mở tại Ngân hàng B tiếp tục chuyển số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào tài khoản số 107872945805 mở tại Ngân hàng V2 của bị cáo Trần Đình T là đã đủ 100.000.000 (một trăm triệu đồng) theo yêu cầu của bị cáo Trần Đình T để bị cáo Đỗ Thanh N thuê Luật sư tham gia vào vụ án. Số tiền nhận được từ ông Đinh Thiên T1, bị cáo Trần Đình T đưa tiền mặt cho bị cáo Đỗ Thanh N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bị cáo T giữ lại riêng cho mình số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Sau khi nhận tiền bị cáo Đỗ Thanh N, Trần Đình T không có động thái, hành động nào thực hiện nội dung trợ giúp pháp lý như thoả thuận với ông T1. Ông T1 đã liên hệ nhiều lần với bị cáo N, T yêu cầu trả lại tiền nhưng bị cáo N, T không thực hiện.

Như vậy, trong vụ này bị cáo Đỗ Thanh N đã chiếm đoạt của ông T1 số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó: Bị cáo N nhận từ bị cáo Thuật số tiền 130.000.000 đồng, nhận từ ông T1 chuyển khoản là 30.000.000 đồng; bị cáo Trần Đình T chiếm đoạt của ông T1 số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Số tiền các bị cáo chiếm đoạt sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

2. Bị cáo Trần Đình T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của bà Lê Thị Cẩm V1.

Bà Lê Thị Cẩm V1 tốt nghiệp Dại học ngành Sư phạm Ngữ văn Trường Đại học P, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2017. Khoảng tháng 7/2022, bà V1 nhờ ông Phan Trung N2 (là anh họ của bà V1) hỏi có quen biết ai để nhờ xin việc cho bà V1. Sau đó, ông N2 nhờ ông Nguyễn Thành T2 giúp bà V1 xin việc. Ông T2 có quen biết bị cáo Trần Đình T, nghe bị cáo Trần Đình T giới thiệu có quan hệ xã hội rộng, quen biết nhiều người nên ông T2 giới thiệu, gửi số điện thoại di động của bị cáo T để ông N2 liên hệ với bị cáo Trần Đình T. Sau khi được ông T2 giới thiệu, ngày 21/8/2022 cha ruột của bà V1 là ông Lê L liên lạc với T và hẹn gặp tại quán nhậu "T". Tại đây, ông Lê L và bà Lê Thị Cẩm V1 nói chuyện trao đổi với bị cáo T về việc khoảng tháng 10/2022, Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức kỳ thi "*Tuyển dụng Giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc* UBND thị xã Đ *năm 2022*", bà V1 đã nộp hồ sơ thi tuyển kỳ tuyển dụng này. Khi trao đổi với ông L và bà V1, bị cáo T đưa ra thông tin gian dối tự giới thiệu bản thân có mối quan hệ xã hội quen biết nhiều người đã "lo lót" (*đưa tiền cho những người*

tham gia tổ chức tuyển sinh hoặc có thể tác động đến người tham gia tổ chức tuyển sinh) để giúp trúng tuyển viên chức cho một vài trường hợp ở thị xã Đ, huyện T, huyện S (tỉnh Quảng Ngãi) và đảm bảo cho bà Lê Thị Cẩm V1 sẽ trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng nói trên.

Bị cáo T nói với bà V1 cứ nộp hồ sơ cố gắng thi điểm cho tốt còn lại mọi mối quan hệ để bị cáo Trần Đình T lo, cam kết bà V1 sẽ trúng tuyển. Bị cáo T đưa ra giá tiền nếu bà V1 trúng tuyển là 150.000.000đ (một trăm lăm mươi triệu đồng). Bà V1 và ông L đồng ý, đưa trước cho bị cáo Thuật số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), khi bà V1 trúng tuyển sẽ đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Khoảng 14 giờ ngày 30/8/2022 ông Lê L cùng với bà V1 đến quán nhậu "T" gặp bị cáo T, tại đây bà V1 đưa tiền mặt 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho bị cáo T, bị cáo T viết "GIẤY MƯỢN TIỀN". Sau khi nhận tiền bị cáo T không có bất kỳ hành động nào để giúp cho bà V1. Số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) bị cáo T chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân.

3. Bị cáo Đỗ Thanh N lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của vợ chồng anh Nguyễn Thành L1, chị Nguyễn Thị Thu C:

Ông Nguyễn Thành L1 là chủ quán nhậu "L1 *bờ kè*" có vợ là bà Nguyễn Thị Thu C là Giáo viên dạy tại Trường THCS Dân tộc Nội trú huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Khoảng đầu năm 2022, bị cáo Đỗ Thanh N đến quán nhậu của ông L1 để ăn nhậu thì quen biết ông L1. Bị cáo N giới thiệu với ông L1 trước kia bị cáo N làm việc ở Phòng Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, hiện tại làm dịch vụ đất đai, bị cáo có quen biết nhiều người làm việc ở Sở Nội vụ tỉnh Q. Từ đó, ông L1 nói chuyện với bị cáo N về việc vợ của ông L1 đang dạy học ở huyện S, muốn xin chuyển công tác về các huyện đồng bằng. Bị cáo N nói với ông L1 muốn xin chuyển công tác thì làm hồ sơ để bị cáo N đi nộp và bị cáo N sẽ nhờ người xin chuyển công tác.

Bị cáo N và ông L1 trao đổi thống nhất chi phí xin chuyển công tác là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), bị cáo N nhận trước số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), còn lại số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) khi nào xong việc sẽ nhận đủ.

Khoảng giữa tháng 5/2022, bà C làm 02 bộ hồ sơ xin chuyển công tác (gồm đơn xin chuyển công tác và các giấy tờ liên quan), sau đó ông L1 đưa 02 bộ hồ sơ cho bị cáo N. Ngày 05/05/2022, bà C sử dụng tài khoản số 9704229232000484 của bà C mở tại Ngân hàng M chuyển 02 lần với số tiền 75.000.000 đồng và 15.000.000 đồng; ngày 13/6/2022 bà C tiếp tục chuyển số tiền 10.000.000 đồng đều vào tài khoản số 43000000850079 mở tại Ngân hàng

S1, tên chủ tài khoản Đỗ Thanh N. Sau khi nhận đủ tiền bị cáo N không thực hiện nội dung như đã thảo thuận và sử dụng số tiền chiếm đoạt vào việc tiêu xài cá nhân.

4. Bị cáo Đỗ Thanh N lừa đảo 02 lần của bà Lê Thị Q với tổng số tiền chiếm đoạt 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ông Lê Tấn G là anh ruột của bà Lê Thị Q, ông G nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 200m^2 (loại đất trồng cây lâu năm) là một phần trong thửa đất số 231, tờ bản đồ số 60, địa chỉ tại: thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi từ vợ chồng bà Huỳnh Thị C1.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên, ông G muốn sang tên và tách thửa, nhưng vì đi làm ăn xa nên ông G giao cho bà Lê Thị Q đi nộp hồ sơ xin tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất. Khoảng tháng 6/2022, bà Q đến Trung tâm hành chính công huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gặp bị cáo Đỗ Thanh N và tạo mối quan hệ quen biết với bị cáo N. N giới thiệu bản thân làm dịch vụ đất đai, sổ đỏ...., nên bà Q nói chuyện với N về tình trạng đất của gia đình bà Q và bà Q đang đến nộp hồ sơ ở Trung tâm hành chính công huyện B.

Sau khi biết tình trạng đất của bà Q rất khó khăn trong việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo Đỗ Thanh N dùng thủ đoạn gian dối nhận giúp chị Q làm việc với UBND xã B và các đơn vị liên quan để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Q đồng ý. Để thực hiện giúp bà Lê Thị Q sang tên và tách thửa đất theo như thoả thuận, bị cáo Đỗ Thanh N bảo bà Q dẫn đến vị trí thửa đất để bị cáo N xem thực trạng thửa đất và đến UBND xã B, huyện B đối chiếu với bản đồ địa chính. Sau đó, bà Q giao các bản sao hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Tấn G, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao căn cước công dân của ông Lê Tấn G và các giấy từ liên quan để bị cáo Đỗ Thanh N nộp hồ sơ (giao dịch thoả thuận giữa bà Q và bị cáo N không lập thành văn bản).

Khoảng 01 tháng sau bị cáo Đỗ Thanh N hẹn bà Q đến quán N6 - Khu vực bãi biển K, huyện B và nói với bà Q ứng trước 50% tiền để lo chi phí, bà Lê Thị Q đồng ý. Tại đây, bà Lê Thị Q đưa tiền mặt cho bị cáo Đỗ Thanh N số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Khoảng 20 ngày sau khi nhận tiền lần thứ nhất, bị cáo N tiếp tục liên lạc bằng điện thoại với bà Q nói "*cho ứng thêm tiền để giải quyết công việc*" và hẹn bà Q đến quán N6, tại đây bà N đưa tiếp cho bị cáo Đỗ Thanh N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trong đó bà Q và bị cáo N thoả thuận số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để bị cáo N lo công việc đất đai cho bà Q, còn số tiền 20.000.000 đồng (hai

mươi triệu đồng) bà Q cho bị cáo Đỗ Thanh N mượn cá nhân. Bị cáo N sau khi nhận số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) của bà Q, bị cáo N không có hành động gì thực hiện theo như thoả thuận để giúp cho bà Q mà chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

- Lần thứ hai: khoảng tháng 9/2022, trong thời gian quen biết bị cáo Đỗ Thanh N, bà Lê Thị Q có nói chuyện với bị cáo N về trường hợp bà Nguyễn Thị Như L2 có con gái là Nguyễn Hồng N3 (sinh năm 1996; trú tại: TDP B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tiếng Anh vào năm 2018 nhưng chưa xin được việc. Năm 2021 bà N3 đã tham gia thi tuyển Giáo viên nhưng không trúng tuyển. Khoảng tháng 09/2022, bà N3 tiếp tục làm hồ sơ thi tuyển do Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Q tổ chức. Biết được thông tin về việc bà N3 có nhu cầu thi tuyển viên chức nên bà Q nói chuyện với bị cáo N thì bị cáo N đồng ý giúp "*chạy*" thi viên chức cho bà Nguyễn Hồng N3.

Sau đó, bà Q nói lại với bà Nguyễn Thị Như L2 là "*em có chỗ quen biết, được thì em nhờ người ta giúp cho*", đồng thời bà Q nói bà L2 làm 02 bộ hồ sơ dự tuyển của bà Nguyễn Hồng N3 để bà Q nhờ người nộp, bà L2 đồng ý và đưa hồ sơ cho bà Q. Bà Q nói với bà L2 chi phí khoảng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), ứng trước 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) khi nào thi đậu thì nhận đủ. Tại thời điểm này bà L2 đồng ý nhưng vì bà L2 không có tiền và bà L2 không biết việc thi tuyển của bà N3 có đậu hay không nên không đưa tiền trước mà nói với bà Lê Thị Q khi nào kết quả thi của bà N3 trúng tuyển thì mới đưa tiền. Bà Q vẫn nhận hồ sơ và nói với bà L2 "*để em lo cho*" (nghĩa là bà Lê Thị Q dùng tiền của cá nhân của bà Q để giúp cho bà N3). Sau khi nhận 02 bộ hồ sơ thi tuyển viên chức của bà Nguyễn Hồng N3 từ bà Nguyễn Thị Như L2, bà Q đến thành phố Q đưa 02 bộ hồ sơ cho bị cáo Đỗ Thanh N.

Ngày 01/10/2022, bị cáo Đỗ Thanh N gọi điện thoại cho bà Q nói bà Q đến thành phố Q để tổ chức sinh nhật cho bà Q và sẵn tiện đưa tiền để nhờ người "*giúp*" Nguyễn Hồng N3 thi tuyển viên chức. Bà Q tin tưởng nên đến quán ăn trên đường P theo hẹn trước với bị cáo Đỗ Thanh N, bà Q đưa tiền mặt cho bị cáo N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và yêu cầu bị cáo N viết giấy nhận tiền, bị cáo N đã viết "HỢP ĐỒNG GIAO NHẬN TIỀN" đề ngày 01/10/2022. Sau khi nhận 02 bộ hồ sơ thi tuyển của Nguyễn Hồng N3 từ bà Lê Thị Q, bị cáo N không có bất cứ hành động nào để giúp cho bà Nguyễn Hồng N3 trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức. Đối với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) chiếm đoạt của bà Q, bị cáo N tiêu xài cá nhân hết.

5. Bị cáo Đỗ Thanh N lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Văn T3.

Ông nội của ông T3 (tức ông Nguyễn D1) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất vườn của ông Tạ T4 (theo Bản trích lục địa đồ năm 1945) tại V, thôn X, xã N, huyện T cũ (nay là xã N, Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi). Sau đó, ông nội của ông T3 chia đất cho con cháu, trong đó có chia cho cha của ông T3 (tức ông Nguyễn D1), gia đình ông T3 cho rằng đất đủ điều kiện để cấp chứng nhận *"đất vườn và đất ở"* nhưng UBND xã N chỉ cấp 400m^2 đất ở, còn lại cấp hạng mức *"đất trồng cây hằng năm khác"* nên gia đình ông T3 có khiếu nại UBND xã N và muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất *"trồng cây hằng năm khác"* thành *"đất vườn hoặc đất ở"* nhưng không thực hiện được.

Khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022, từ mối quan hệ quen biết ngoài xã hội, ông Nguyễn Văn T3 biết bị cáo Đỗ Thanh N, qua nhiều lần gặp trao đổi về tình trạng đất của ông T3, bị cáo N nói với ông T3 *"đất mà có còn trích lục (cũ) tức là Trích lục địa đồ"* thì bị cáo N nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành *"đất ở"* và tách thửa cho ông T3 với giá tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), ông T3 đồng ý.

Ngày 03/01/2022, bị cáo Đỗ Thanh N và ông Nguyễn Văn T3 lập *"GIẤY NHẬN TIỀN",* ông T3 giao cho bị cáo Đỗ Thanh N bản gốc 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông Nguyễn Văn T3 mượn số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Thu T5 (sinh năm 1974; trú tại: TDP G, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk) để đưa trước cho bị cáo N. Ngày 04/01/2022 bà T5 sử dụng tài khoản số 5200205359734 mở tại Ngân hàng A chuyển số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) vào tài khoản số 0271000499342 mở tại Ngân hàng V3 của bị cáo N. Sau khi nhận tiền và các giấy tờ đất của ông Nguyễn Văn T3, bị cáo Đỗ Thanh N không thực hiện theo thoả thuận. Số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T3, bị cáo N sử dụng tiêu xài cá nhân.

6. Bị cáo Đỗ Thanh N lừa đảo chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) của ông Nguyễn Văn T6.

Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai đối với thửa đất của ông bà N4 của ông T6 để lại, nhưng lại được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H1, nên ông T6 và một số anh em trong gia đình ông T6 phát sinh tranh chấp nhưng ông T6 không biết khởi kiện như thế nào.

Khoảng đầu năm 2021, ông Nguyễn Quang N5 (là em con cô ruột của ông T6) có quen biết với bị cáo Đỗ Thanh N nên ông N5 giới thiệu bị cáo N *"giúp"* ông Nguyễn Văn T6 giải quyết tranh chấp. Sau khi gặp gỡ, ông Nguyễn Văn T6 trình bày với bị cáo Đỗ Thanh N về tình trạng đất của ông T6 đang tranh

chấp với bà H1 thì bị cáo N nói *"làm được"* (tức là đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên chủ đăng ký và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T6).

Theo đó, bị cáo Đỗ Thanh N và ông Nguyễn Văn T6 thống nhất lập "HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN" ngày 01/04/2021, nội dung: *"Hai bên thống nhất giải quyết việc huỷ giấy, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 67, diện tích 618,2m^2, tờ bản đồ số 04, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU630303 cấp cho bà* Nguyễn Thị H1*; Thửa đất 66,674m^2 tờ 04 nằm trong tổng thửa 348 tờ bản đồ số 03, diện tích 1.320m2 với giá tiền 70.000.000 đồng và đưa trước 35.000.000 đồng"*. Sau đó, bị cáo N hẹn ông T6 đến quán C2 trên đường L, Tp Q, ông Nguyễn Văn T6 thống nhất nội dung hợp đồng và đưa tiền mặt cho bị cáo Đỗ Thanh N số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Sau khi nhận tiền, bị cáo Đỗ Thanh N chỉ có động thái hướng dẫn ông Nguyễn Văn T6 làm Đơn gửi đến UBND xã N yêu cầu cung cấp thông tin về thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 04, ngoài ra không có động thái gì khác để thực hiện giải quyết tranh chấp đất theo như hợp đồng với ông T6, số tiền chiếm đoạt bị cáo Đỗ Thanh N sử dụng tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra bị cáo Đỗ Thanh N và Trần Đình T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

- Tại kết luận giám định số: 786/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q trích xuất dữ liệu bên trong điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A7, số IMEI 1: 351814094266755; số IMEI 2: 351815094266752 của Đinh Thiên T1, kết quả:

+ Trích xuất dữ liệu điện tử tin nhắn trong Zalo có tên "Thiên" được đăng ký bằng bố điện thoại 0369332266 với Z *có tên "*Trần Đình T*".*

+ Trích xuất dữ liệu tin nhắn trong Zalo có tên "Thiên" được đăng ký bằng số điện thoại 0369332266 với Zalo có tên "Thanhnhi".

+ Xác định được thông tin đăng ký Zalo có tên "Thiên"; Z *có tên "*Trần Đình T*"; Z có tên "Thanhnhi".*

+ Không phục hồi được dữ liệu theo yêu cầu giám định. (BL: 645-669)

- Tại kết luận giám định số: 620/KL-KTHS ngày 29/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận:

"Chữ ký, chữ viết trong "Giấy Mượn Tiền", có nội dung "Hôm nay ngày 30/8/2022, Tôi tên: Trần Đình T*, Sinh ngày 12/8/1984...", ký tên "Người viết giấy nhận tiền* Trần Đình T *(Ký hiệu Al) với chữ viết, chữ ký của ông* Trần Đình T *trên các "BẢN TỰ KHAI/ BẢN TƯƠNG TRÌNH" viết ngày 21/3/2024 (02*

bản) và ngày 23/3/2024 (01 bản) (Ký hiệu Ml, M2, M3) là do cùng một người viết, ký ra (BL: 642)

- Tại kết luận giám định số: 1180/KL-KTHS, ngày 16/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận:

*"Chữ viết "Và thửa 66...DT 1320" ở mặt trước và chữ ký, chữ viết tên "*Đỗ Thanh N*" dưới cột mục "Đại diện bên nhận khoán" ở mặt sau trên "HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN" (ký hiệu Al); chữ ký, chữ viết trên "GIẤY NHẬN TIỀN" (ký hiệu A2 - trừ chữ ký, chữ viêt "Nguyên' Văn Thích" dưới cột mục "Bên giao tiên"; chữ ký, chữ viết "nguyễn chí thân" dưới cột mục "Người làm chứng"); chữ ký, chữ viết "*Đỗ Thanh N*" dưới cột mục "Đại diện bên nhận giao khoán" trên "HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN" (ký hiệu A3); chữ ký, chữ viết trên "HỢP ĐỒNG GIAO NHẬN TIỀN" (ký hiệu A4 - trừ chữ ký, chữ viết "*Lê Thị Q*" dưới cột mục "Đại diện bên giao khoán") với chữ viết, chữ ký của* Đỗ Thanh N *trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết, ký ra" (BL: 675).*

Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2025/HS-ST ngày 27-8-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Đình T 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/9/2024 đến ngày 22/01/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, điều luật, hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thanh N, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo (bị cáo Đỗ Thanh N không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị).

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 10/9/2025, bị cáo Trần Đình T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Đình T trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Trần Đình T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Đình T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Đình T không cung cấp tài liệu chứng cứ mới thể hiện có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Đình T trình bày: kính mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2025 bị cáo Trần Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay bị cáo Trần Đình T khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2022, Đỗ Thanh N, Trần Đình T đã đưa ra nhiều thông tin gian dối với nhiều bị hại với nội dung: thông qua mối quan hệ xã hội quen biết nhiều người, nên các bị cáo làm được những việc xin chuyển công tác, thi trúng tuyển viên chức, chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa, nhận huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế, các bị cáo không có chức năng này. Từ đó, các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho các bị cáo và các bị cáo không thực hiện mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân khác dẫn đến mất khả năng trả nợ. Cụ thể: bị cáo Đỗ Thanh N đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 675.000.000 đồng. Trong đó, đồng phạm với bị cáo Trần Đình T chiếm đoạt của anh Đinh Thiên T1 số tiền 250.000.000 đồng (bị cáo hưởng lợi 160.000.000đồng); vợ chồng anh Nguyễn Thành L1 số tiền 100.000.000 đồng; chị Lê Thị Q số tiền 250.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T3 số tiền 40.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T6 số tiền 35.000.000 đồng. Bị cáo Trần Đình T đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 350.000.000 đồng. Trong đó, đồng phạm với bị cáo Đỗ Thanh N chiếm đoạt của anh Đinh Thiên T1 số tiền 250.000.000 đồng (bị cáo hưởng lợi 90.000.000đồng); bản thân bị cáo chiếm đoạt của chị Lê Thị Cẩm V1 số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo Trần Đình T phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Thanh N trong cùng vụ án; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định, Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Trần Đình T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm tù:

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*;

…

Bị cáo Trần Đình T bị xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự có quy định khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đình T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, nhận định về vai trò, tính chất, hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Từ đó xử phạt bị cáo Trần Đình T 07 (bảy) năm tù là có căn cứ, thoả đáng.

[2.3] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trần Đình T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Đình T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

3. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Đình T 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/9/2024 đến ngày 22/01/2025.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Thường **Đặng Kim Nhân** **Trần Quốc Cường**